

Bản án số: 119/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2024

V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn V, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1985; Nơi cư trú: Ấp A, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Ấp A, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 8 năm 2024 và bản khai ngày 30 tháng 8 năm 2024 của nguyên đơn anh Bùi Văn V trình bày: Năm 2006, qua mai mối anh có quen biết với chị Nguyễn Thị L, qua thời gian tìm hiểu hai bên tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới cho anh và chị L trong năm 2007, sau khi cưới hai vợ chồng anh cùng nhau về nhà anh sinh sống. Hai vợ chồng anh có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 18 tháng 10 năm 2007. Thời gian đầu hai vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm gia đình, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống chung không còn hạnh phúc. Anh và chị L đã không còn sống chung từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay, nay nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên anh yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Thị L. Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung Bùi Thị Thùy L1, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2008 và Bùi Thị Thùy D, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2012, không yêu cầu chị Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị L đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 30 tháng 8 năm 2024 của cháu Bùi Thị Thùy D trình bày: Ba và mẹ ly hôn con muốn sống với ba.

Tại bản khai ngày 30 tháng 8 năm 2024 của cháu Bùi Thị Thùy L1 trình bày: Ba và mẹ ly hôn con muốn sống với ba.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Bùi Văn V được ly hôn với chị Nguyễn Thị L; về nuôi con chung: Giao 02 con chung Bùi Thị Thùy L1, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2008 và Bùi Thị Thùy D, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2012 cho anh Bùi Văn V tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Anh Bùi Văn V trình bày không có, còn chị Nguyễn Thị L không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn anh Bùi Văn V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Bùi Văn V và chị Nguyễn Thị L là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của anh Bùi Văn V đối với chị Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của anh Bùi Văn V thì cuộc sống của anh và chị L không còn hạnh phúc từ năm 2023 do phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm gia đình, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống chung không còn hạnh phúc và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh V và chị L hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh V là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Bùi Văn V ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

[4] Về việc nuôi con chung: Anh Bùi Văn V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Bùi Thị Thùy L1, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2008 và Bùi Thị Thùy D, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2012, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh V và chị L không còn sống chung và hiện nay thì 02 con chung do anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyện vọng của 02 cháu cũng muốn sống với anh V, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V không có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Bùi Văn V cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn chị Nguyễn Thị L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn V, cho ly hôn giữa anh Bùi Văn V và chị Nguyễn Thị L.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Anh Bùi Văn V được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Bùi Thị Thùy L1, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2008 và Bùi Thị Thùy D, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2012.

2.2. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Bùi Văn V chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006278 ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND X.TP1, H.HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng